**MẪU SỐ 1C**

**HỒ SƠ YÊU CẦU**

**DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 07/2024/TT-BKHĐT*

*ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

HỒ SƠ YÊU CẦU

DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN

|  |  |
| --- | --- |
| **Số hiệu gói thầu:** | **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| **Tên gói thầu:** | **[[GoiThau]]** |
| **Dự án/dự toán mua sắm:** | **Các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”** |
| **Phát hành ngày:** | **/ /2024** |
| **Ban hành kèm theo Quyết định:** | **Số [[HSMT\_qd]] ngày [[HSMT\_qd\_d]] của [[ChuDauTu\_cv]] [[ChuDauTu]]** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tư vấn lập hồ sơ yêu cầu**  **Tổ chuyên gia**  **Tổ trưởng**  **[[ToCG\_1]]** | **Chủ đầu tư**  **[[ChuDauTu\_cvh]]** |

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| ĐKC | Điều kiện chung của hợp đồng |
| ĐKCT | Điều kiện cụ thể của hợp đồng |
| HSĐX | Hồ sơ đề xuất |
| HSYC | Hồ sơ yêu cầu |
| Luật Đấu thầu | Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 |
| Nghị định số 24/2024/NĐ-CP | Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu |
| VND | Đồng Việt Nam |

# 

# 

**Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU**

**Chương I****. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

**Mục 1. Phạm vi gói thầu**

1. Chủ đầu tư *[[ChuDauTu]]* mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu “[[GoiThau]]” thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: [[NganSach]].

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: [[HD\_t]] ngày, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu dịch vụ.

**Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu**

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật đấu thầu.

**Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

Nhà thầu là tổ chức, hộ kinh doanh không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác.

**Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC**

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

**Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu**

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt*.* Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

**Mục 6. Thành phần của HSĐX**

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSĐX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYC, bao gồm:

1. Đơn đề xuất chỉ định thầu theo Mẫu số 01 Chương III;

2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;

### 3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu của nhà thầu, của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu;

4. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;

5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04a, Mẫu số 04b, Mẫu số 04c, Mẫu số 04d, Mẫu số 04e Chương III;

6. Các nội dung khác: Không có.

**Mục 7. Giá dự thầu**

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất chỉ định thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại theo Mẫu số 04a, Mẫu số 04b, Mẫu số 04c, Mẫu số 04d, Mẫu số 04e Chương III, bao gồm cả đơn giá (nếu có), thành tiền.

**Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật**

Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

**Mục 9.** **Hiệu lực của HSĐX**

Thời gian có hiệu lực của HSĐX phải bảo đảm theo yêu cầu là [[EHSDT\_HieuLuc]] ngàykể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

**Mục 10. Quy cách và chữ ký trong HSĐX**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và 01 bản chụp HSĐX, ghi rõ "bản gốc HSĐX" và "bản chụp HSĐX" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSĐX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 6 Chương I phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSĐX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu.

**Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu**

1. HSĐX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: [[MoThau\_gio]], [[BB\_MoThau\_d\_c]].

2. Mở thầu:

Bên mời thầu tiến hành mở thầu công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chỉ mở các HSĐX nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSYC trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSĐX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:

- Tham dự độc lập hay liên danh;

- Số lượng bản gốc, bản chụp;

- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;

- Giá trị giảm giá (nếu có);

- Thời gian có hiệu lực của HSĐX;

- Thời gian thực hiện gói thầu;

- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu nộp HSĐX. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSĐX.

**Mục 12. Nhà thầu phụ**

1. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng thầu phụ thì phải kê khai danh sách thầu phụ theo Mẫu số 10a Chương III. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá [[ThauPhu\_pt]] giá dự thầu của nhà thầu.

**Mục 13. Đánh giáHSĐX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu**

1. Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSĐX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

**Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu**

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSĐX hợp lệ;

2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;

3. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;

4. Có giá đề nghị chỉ định thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.

**Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà thầu trúng thầu.

**Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được chỉ định thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các điều 89, 90 và 91 Luật Đấu thầu.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: [[ChuDauTu]], địa chỉ: [[ChuDauTu\_dc]].

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: [[ChuDauTu]], địa chỉ: [[ChuDauTu\_dc]], điện thoại: [[ChuDauTu\_dt]], fax: [[ChuDauTu\_fax]].

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: [[DonViMuaSam]], địa chỉ: [[ChuDauTu\_dc]], điện thoại: [[ChuDauTu\_dt]], fax: [[ChuDauTu\_fax]].

Mục 19. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: [[GT\_GiamSat]], địa chỉ: [[ChuDauTu\_dc]], điện thoại: [[ChuDauTu\_dt]], fax: [[ChuDauTu\_fax]].Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

**Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX**

**1.1. Kiểm tra HSĐX**

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo quy định tại Mục 6 Chương I;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

**1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX**

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐX;

b) Có đơn đề xuất chỉ định thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

c) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;

d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này (Mẫu số 04a, Mẫu số 04b, Mẫu số 04c, Mẫu số 04d, Mẫu số 04e Chương III);

đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.

e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

**Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm**

**2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá HSĐX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSĐX, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại HSYC để làm cơ sở đánh giá HSĐX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Quân đội MB Bank tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 10b Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bảng số 01**  **BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM** | | | | | | |
| **Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm** | | | **Các yêu cầu cần tuân thủ** | | | **Tài liệu cần nộp** |
| **Stt** | **Mô tả** | **Yêu cầu** | **Nhà thầu độc lập** | **Nhà thầu liên danh** | |
| **Tổng các thành viên liên danh** | **Từng thành viên liên danh** |
| **1** | **Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu** | Từ ngày 01 tháng 01 năm [[NamXaNhat]] (1) đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu (2). | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 08 |
| **2** | **Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế** | Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế(3) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh |
| **3** | **Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)**\* | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 (4)năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là [[Dthu\_nam]] (5)VND. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Mẫu số 09 |
| **4** | **Kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn tương tự** | Nhà thầu đã hoàn thành(6)tốithiểu 01 hợp đồng tương tựvới tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh)hoặc nhà thầu phụ(7) trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm [[NamXaNhat]] (8) đến thời điểm đóng thầu  Trong đó:  Hợp đồng tương tự là hợp đồng:  - Có tính chất tương tự: Chủng loại dịch vụ(9);  - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: [[HD\_Ttu]] (10) VND. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 06 |
| *(\*):Trường hợp không yêu cầu về doanh thu thì bỏ nội dung yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm tại Mục số 3 Bảng này.* | | | | | | |

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh* *đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022.*

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại. Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2…).

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).*

*Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021**, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10), (11) Hợp đồng tương tự:

Hợp đồng tương tự là hợp đồng có tính chất tương tự với gói thầu đang xét, có giá trị hợp đồng thông thường khoảng 50% giá của gói thầu.

(i) Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự trong khoảng 40% giá của gói thầu đang xét.

(ii) Trường hợp gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn có khối lượng mời thầu lớn và trong nước có dưới 03 nhà thầu đã từng thực hiện các hợp đồng tương tự có quy mô trên 50% quy mô của gói thầu đang xét thì có thể điều chỉnh giảm quy định về quy mô của hợp đồng tương tự xuống còn 40% quy mô của gói thầu đang xét. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải bảo đảm nhà thầu được lựa chọn có đủ khả năng thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng.

(iii) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu.

(iv) Việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

- Trường hợp các hạng mục công việc của gói thầu đang xét cần sự gắn kết với nhau thì nhà thầu phải chứng minh bằng ít nhất 01 hợp đồng đã hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của gói thầu đang xét.

- Trường hợp các hạng mục công việc của gói thầu đang xét là độc lập với nhau thì nhà thầu có thể chứng minh theo một hoặc nhiều cách như sau:

+ Có ít nhất 01 hợp đồng đã hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu 50% (hoặc 40% trong trường hợp (i) và (ii) nêu trên) giá trị của gói thầu đang xét hoặc

+ Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% (hoặc 40% trong trường hợp (i) và (ii) nêu trên) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 50% (hoặc 40% trong trường hợp (i) và (ii) nêu trên) giá trị của gói thầu đang xét. Trong đó, hạng mục công việc đã thực hiện là hạng mục công việc đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không căn cứ vào thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu hạng mục công việc.

Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng đã được chủ đầu tư nghiệm thu toàn bộ các hạng mục, nội dung công việc trong hợp đồng hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm toàn bộ các hạng mục, nội dung công việc trong hợp đồng (không bao gồm nghĩa vụ bảo hành) được hoàn thành, nghiệm thu theo đúng quy định mà không căn cứ vào thời gian ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 50% giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

*Ví dụ: Gói thầu đang xét là thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 03 năm với giá trị 3.000.000.000 đồng thì HSYC có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 500.000.000 đồng. Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà thầu X đã thực hiện được 15 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 550.000.000 đồng thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.*

**2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:**

**a) Nhân sự chủ chốt:**

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông.

Trường hợp HSYC có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 07a, 07b và 07c Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Vị trí công việc** | **Số lượng** | **Kinh nghiệm trong các công việc tương tự** | **Chứng chỉ/trình độ chuyên môn(2)** |
| 1 |  |  | *tối thiểu\_\_năm hoặc*  *tối thiểu\_\_\_hợp đồng* |  |
| 2 |  |  | *tối thiểu\_\_năm hoặc*  *tối thiểu\_\_\_hợp đồng* |  |
| … |  |  |  |  |

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt, nhà thầu phải cung cấp bản chụp được chứng thực bằng cấp, chứng chỉ, hợp đồng lao đồng hoặc thuê nhân sự để chứng minh.

**b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:**

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 07d Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị** | **Số lượng tối thiểu cần có** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| … |  |  |

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương IV, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong HSYC. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập HSYC, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;

- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;

- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;

- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;

- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của HSYC;

- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì (nếu có);

- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có): các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Các yếu tố cần thiết khác.

HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

**Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

1. Xác định giá đề nghị chỉ định thầu[[1]](#footnote-1):

Bước 1: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (nếu có);

Bước 2: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

2. Xác định giá thấp nhất[[2]](#footnote-2):

Bước 1: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (nếu có);

Bước 2: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 3: Xếp hạng nhà thầu: HSĐX có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Chương III. BIỂU MẪU**

**Mẫu số 01**

**ĐƠN ĐỀ XUẤT CHỈ ĐỊNH THẦU**

\_\_\_\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Ghi tên bên mời thầu]*

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi,\_\_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu “[[GoiThau]]” theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]*. Thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu]*.

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là \_\_\_ngày *[Ghi số ngày]*, kể từ ngày \_\_\_tháng \_\_\_ năm \_\_\_*[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu(2).

7. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSĐX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSĐX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện hợp pháp của nhà thầu(1)**  *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

**Mẫu số 02**

### GIẤY ỦY QUYỀN(1)

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là\_\_\_\_ *[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu],* làngười đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại\_\_\_\_ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho\_\_\_*[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu “[[GoiThau]]” thuộc dự toán các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]” do [[ChuDauTu]] tổ chức:

*[*- *Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;*

*- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;*

*- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.]* (2)

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của\_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]*. \_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_(3). Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Người được ủy quyền**  *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]* | **Người ủy quyền**  *[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất chỉ định thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

### Mẫu số 03

### THỎA THUẬN LIÊN DANH (1)

, ngày tháng năm

Gói thầu: *[[GoiThau]]*

Thuộc: Các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”

- Căn cứ(2)*\_[Luật đấu thầu];*

- Căn cứ*(2)* *;*

- Căn cứhồ sơ yêu cầu gói thầu “[[GoiThau]]” ngày \_\_\_ tháng\_\_\_ năm\_\_*[Ngày được ghi trên HSYC]*;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh**  *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ngày \_\_\_tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu “[[GoiThau]]” thuộc dự toán các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: *[Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

*- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*

*- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*

*- Hình thức xử lý khác [Ghi rõ hình thức xử lý khác].*

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu “[[GoiThau]]” thuộc dự toán các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]” đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau(3):

*[*- *Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;*

*- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;*

*- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].*

2. Các thành viên trong liên danhthống nhất phân công công việc từng thành viên đảm nhận trong liên danh như sau(4):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên** | **Nội dung công việc đảm nhận** | | **Giá trị đảm nhận hoặc ỷ lệ % so với tổng giá dự thầu** | |
| 1 | Tên thành viên đứng đầu liên danh |  | |  | |
| 2 | Tên thành viên thứ 2 |  | |  | |
| .... | .... |  | |  | |
| **Tổng cộng** | | | **Toàn bộ công việc của gói thầu** | |  | |

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

**-** Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

**-** Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

**-** Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;

**-** Hủy thầu gói thầu “[[GoiThau]]” thuộc dự toán các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]” theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành bản, mỗi bên giữ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH(5)**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

**Mẫu số 04a**

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN***(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)*

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục dịch vụ** | **Mô tả dịch vụ(\*)** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Địa điểm thực hiện dịch vụ** | **Ngày hoàn thành  dịch vụ** | **Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** *(kết chuyển vào giá dự thầu trong đơn đề xuất)* | | | | | | | |  |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Chủ đầu tư ghi các nội dung công việc để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV (nếu có).

(8): Nhà thầu điền.

(9), (10): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

**Mẫu số 05**

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU (1)

Ngày: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*  
Tên gói thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |
| --- |
| Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]* |
| Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:  *[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]* |
| Năm thành lập công ty: |
| Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]*: |
| Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu  Tên: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Địa chỉ: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*  Số điện thoại/fax: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*  Địa chỉ email: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_* |
| 1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...  2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu. |

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 06

|  |
| --- |
| **HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN (1)** |
| Tên nhà thầu:\_\_\_ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].* |

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên và số hợp đồng | *[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]* | | |
| Ngày ký hợp đồng | *[ghi ngày, tháng, năm]* | | |
| Ngày hoàn thành | *[ghi ngày, tháng, năm]* | | |
| Giá hợp đồng(3) | *[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]* | | Tương đương \_\_\_\_ VND |
| Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận | *[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]* | *[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]* | Tương đương \_\_\_ VND |
| Tên dự án/dự toán mua sắm: | *[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]* | | |
| Tên Chủ đầu tư: | *[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]* | | |
| Địa chỉ:  Điện thoại/fax:  E-mail: | *[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]*  *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]*  *[ghi địa chỉ e-mail]* | | |
| **Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II(2)** | | | |
| 1. Loại dịch vụ | *[ghi thông tin phù hợp]* | | |
| 2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện(3) | *[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]* | | |
| 3. Về quy mô thực hiện | *[ghi quy mô theo hợp đồng]* | | |
| 4. Các đặc tính khác | *[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]* | | |

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

**Mẫu số 07a**

**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của HSYC. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì HSĐX bị loại. Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận, không được thay thế nhân sự và bị loại.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và Tên** | **Vị trí công việc** |
| 1 | *[Thông tin về lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong HSĐX ]* | *[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]* |
| 2 | *.* |  |
| … |  |  |

**Mẫu số 07b**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | **BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT** | | | | | | | | | | | | |
| **Thông tin nhân sự** | | | | | | | | |  | **Công việc hiện tại** | | | | | | |
| **Stt** | | **Tên** | | **Căn cước công dân/Hộ chiếu** | **Vị trí** | | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn** | **Tên người sử dụng lao động** | | **Địa chỉ của người sử dụng lao động** | **Chức danh** | **Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại** | **Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)** | **Điện thoại/ Fax/ Email** | |
| 1 | | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] | |  |  | |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
| 2 | | [ghi tên nhân sự chủ chốt 2] | |  |  | |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
| … | |  | |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
| n | | [ghi tên nhân sự chủ chốt n] | |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu trong HSĐX

**Mẫu số 07c**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN** | | | | |
| **STT** | **Tên nhân sự chủ chốt** | **Từ ngày** | **Đến ngày** | **Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/Hợp đồng/Kinh nghiệm chuyên môn và  quản lý có liên quan** |
| 1 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] | *…* | *…* | *…* |
|  |  |  |
|  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| … | … |  |  |  |

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu. Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu.

**Mẫu số 07d**

**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị thi công chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSYC. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSĐX thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thông tin thiết bị** | | | | | | | | **Hiện trạng** | | |
| **Loại thiết bị** | **Tên nhà sản xuất** | **Đời máy (model)** | **Công suất** | **Năm sản xuất** | **Tính năng** | **Xuất xứ** | **Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)** | **Địa điểm hiện tại của thiết bị** | **Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại** | **Nguồn thiết bị**  **(Sở hữu của nhà thầu/đi thuê/cho thuê/chế tạo đặc biệt)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ sở hữu** | | | | | | **Thỏa thuận** |
| **Loại thiết bị** | **Tên chủ sở hữu** | **Địa chỉ chủ sở hữu** | **Số điện thoại** | **Số Fax** | **Telex** | **Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu số 08**

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU**

Tên nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*  
Ngày: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương II** | | | |
| 🞎 Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm\_\_ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.  🞎 Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm\_\_\_ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II. | | | |
| **Năm** | **Phần việc hợp đồng không hoàn thành** | **Mô tả hợp đồng** | **Tổng giá trị hợp đồng** (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND) |
|  |  | Mô tả hợp đồng: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Địa chỉ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**Mẫu số 09**

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU(1)**

Tên nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*Ngày: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm tài chính của nhà thầu từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ đến ngày \_\_\_ tháng \_\_\_\_ *(nhà thầu điền nội dung này)*** | | |
|  | **Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC** | | |
|  | **Năm 1:** | **Năm 2:** | **Năm 3:** |
| **Tổng tài sản** |  |  |  |
| **Tổng nợ** |  |  |  |
| **Giá trị tài sản ròng** |  |  |  |
| **Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)** |  |  |  |
| **Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) (2)** |  | | |
| **Lợi nhuận trước thuế** |  |  |  |
| **Lợi nhuận sau thuế** |  |  |  |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**Mẫu số 10a**

**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ**(1)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà thầu phụ(2)** | **Phạm vi công việc(3)** | **Khối lượng công việc(4)** | **Giá trị % ước tính(5)** | **Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ(6)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSYC có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm các tài liệu này trong HSYC.

**Mẫu số 10b**

#### DANH SÁCH CÁC CÔNG TY

#### ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU(1)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công ty con, công ty thành viên(2)** | **Công việc đảm nhận trong gói thầu(3)** | **Giá trị % so với giá dự thầu(4)** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Mẫu số 11

#### PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ(1)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu phụ(2)** | **Phạm vi công việc(3)** | **Khối lượng công việc(4)** | **Giá trị %**  **ước tính(5)** | **Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có)(6)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

(3) Ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Ghi cụ thể khối lượng công việc.

(5) Ghi giá trị % công việc ước tính mà từng nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận sử dụng nhà thầu phụ và phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Mục 1. Phạm vi cung cấp và kế hoạch thực hiện gói thầu**

**1. Phạm vi cung cấp**

*Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ khối lượng mời thầu và các mô tả dịch vụ với các diễn giải chi tiết (nếu thấy cần thiết).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Danh mục dịch vụ** | **Đơn vị** | **Khối lượng mời thầu** | **Mô tả dịch vụ(1)** | **Yêu cầu kết quả đầu ra** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

(1) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Mục 2 – Yêu cầu về kỹ thuật. (ví dụ: tên Mục, số trang...).

**2. Kế hoạch thực hiện**

*Bên mời thầu lập kế hoạch thực hiện/lịch trình thực hiện, trong đó nêu rõ tên dịch vụ và khối lượng công việc, tiến độ cung cấp cụ thể và địa điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung**  **dịch vụ** | **Đơn vị** | **Khối lượng**  **Công việc** | **Tiến độ**  **thực hiện(1)** | **Yêu cầu kết quả đầu ra** | **Địa điểm**  **thực hiện** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu cũng như loại dịch vụ cụ thể mà quy định về tiến độ thực hiện.

**Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật**

*Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập HSĐX.*

*Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện* *nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.*

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

**2.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu**

*Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu như: địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm, quy mô của dự án/dự toán mua sắm, yêu cầu về cung cấp dịch vụ, thời gian thực hiện và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.*

**2.2. Mục tiêu công việc:**

*Trong mục này Chủ đầu tư, Bên mời thầu cần cung cấp đầy đủ, chi tiết thông tin về các dịch vụ sẽ được thực hiện để bảo đảm nhà thầu có thể lập HSĐX một cách hiệu quả, chính xác và cạnh tranh nhất có thể.*

**2.3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:**

*Mục này đưa ra các yêu cầu về kỹ thuật đối với việc cung cấp dịch vụ nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ đáp ứng mục tiêu ban đầu của Chủ đầu tư. Trong đó, các yêu cầu do Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra cần chú trọng vào sản phẩm đầu ra như tiêu chuẩn, quy cách, thông số kỹ thuật, chất lượng... của dịch vụ. Chủ đầu tư, Bên mời thầu cũng cần nêu các tiêu chuẩn về dịch vụ mà nhà thầu phải đáp ứng. Nhà thầu có thể áp dụng các tiêu chuẩn dịch vụ khác nhưng phải chứng minh các tiêu chuẩn này tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn do Chủ đầu tư, Bên mời thầu yêu cầu. Về cơ bản, Bên mời thầu không cần nêu quy trình, phương pháp thực hiện dịch vụ cụ thể mà nhà thầu phải tuân theo. Nhà thầu được quyền đề xuất quy trình, phương pháp thực hiện mà nhà thầu thấy là thích hợp để thực hiện gói thầu.*

*Chủ đầu tư có thể đưa ra các yêu cầu về đấu thầu bền vững để bảo đảm dịch vụ cung cấp cho gói thầu thân thiện với môi trường, xã hội (việc sử dụng các vật tư, vật liệu được chứng nhận nhãn sinh thái và tương đương; sử dụng vật liệu không nung, vật liệu bền vững, thân thiện môi trường có khả năng tái chế, tái sử dụng; hạn chế mức độ xả thải, rác thải, ô nhiễm môi trường, hạn chế lượng bê tông sử dụng trong công trình; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác) nhưng phải bảo đảm các quy định này là rõ ràng, không làm hạn chế nhà thầu.*

**2.4. Giải pháp và phương pháp luận:**

*Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:*

*1. Giải pháp và phương pháp luận;*

*2. Kế hoạch công tác.*

**2.5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:**

*Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.*

**Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

**Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Định nghĩa** | Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại **E-ĐKCT**;  1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;  1.3. "Nhà thầu" là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **E-ĐKCT**;  1.4. "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc phi tư vấn;  1.5. "Tài liệu Hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;  1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);  1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;  1.8. "Dịch vụ phi tư vấn" bao gồm một hoặc một số hoạt động: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 5 Điều 4 của Luật Đấu thầu;  1.9. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;  1.10. “Địa điểm cung cấp dịch vụ” là địa điểm được quy định tại **E-ĐKCT;**  1.11. “Bên” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp.  1.12. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký. |
| **2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên** | 2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.  2.2. Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:  a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;  b) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;  c) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;  d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;  đ) E-ĐKCT;  e) E-ĐKC;  g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;  h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);  i) Các tài liệu khác quy định tại **E-ĐKCT**. |
| **3. Luật và ngôn ngữ** | 3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam;  3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt. |
| **4. Thông báo** | 4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại **E-ĐKCT**. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.  4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn. |
| **5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng** | 5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:  a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;  b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;  c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.  Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.  5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại **E-ĐKCT**.  5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.  5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **E-ĐKCT**. |
| **6. Ký hợp đồng thầu phụ** | 6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **E-ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu.  6.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 6.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại **E-ĐKCT**.  6.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT.  6.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **E-ĐKCT**. |
| **7. Phạm vi cung cấp** | Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại Chương IV được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó. |
| **8. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn** | Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 10A hoặc Mẫu số 10B hoặc Mẫu số 10C Chương IV. |
| **9. Trách nhiệm của Nhà thầu** | Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 E-ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 8 E-ĐKC. |
| **10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng** | 10.1. Loại hợp đồng theo quy định tại **E-ĐKCT**.  10.2. Giá hợp đồng được ghi tại **E-ĐKCT** là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. |
| **11. Điều chỉnh thuế** | Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **E-ĐKCT**. |
| **12. Tạm ứng** | 12.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại **E-ĐKCT**, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.  12.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. |
| **13. Thanh toán** | 13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **E-ĐKCT**. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.  13.2. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại **E-ĐKCT.**  13.3. Đồng tiền thanh toán là: VND. |
| **14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng** | 14.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.  14.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.  14.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 14.1 E-ĐKC và Mục 14.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:  a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;  b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;  c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;  d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.  14.4. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.  14.5. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì. |
| **15. Phạt và bồi thường thiệt hại** | Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại **E-ĐKCT**. |
| **16. Bất khả kháng** | 16.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.  16.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.  16.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.  16.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.  Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.  16.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra. |
| **17. Sửa đổi hợp đồng** | 17.1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:  a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;  b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;  c) Các nội dung khác quy định tại **E-ĐKCT**.  17.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.  17.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:  a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết.  b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư.  c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.  17.4. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây:  a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ;  b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;  c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ;  d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.  Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại **E-ĐKCT** đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.  Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng. |
| **18. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng** | Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:  a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;  b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;  c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;  d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;  đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu;  e) Các trường hợp khác quy định tại **E-ĐKCT.**  Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép. |
| **19. Chấm dứt hợp đồng** | 19.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm  a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:  (i) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;  (ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;  (iii) Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;  (iv) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;  b) Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.  c) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:  - Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 22 E-ĐKC về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán.  - Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng.  19.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán  Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó. |
| **20. Phát hiện và khắc phục sai sót** | 20.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại **E-ĐKCT**. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại **E-ĐKCT**.  20.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục.  Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 15 E-ĐKC. |
| **21. Nhân sự[[3]](#footnote-3)** | 21.1. Nhà thầu phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong E-HSDT để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.  21.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại **E-ĐKCT**, Nhà thầu phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu. |
| **22. Giải quyết tranh chấp** | 22.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.  22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại **E-ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại **E-ĐKCT**. |

**Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐKC 1.1** | Chủ đầu tư: [[ChuDauTu]]  Địa chỉ: [[ChuDauTu\_dc]].  Số tài khoản: [[ChuDauTu\_tk]].  Mã số thuế: [[ChuDauTu\_MST]].  Điện thoại: [[ChuDauTu\_dt]].  Fax: [[ChuDauTu\_fax]]. |
| **ĐKC 1.3** | Nhà thầu:\_\_\_\_\_\_\_\_ [*ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].* |
| **ĐKC 1.10** | Địa điểm cung cấp dịch vụ là: [[GT\_DiaDiem]]*.* |
| **ĐKC 2.2 (i)** | Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:  1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);  2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;  3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;  4. Hồ sơ dự thầu;  5. Hồ sơ mời thầu. |
| **ĐKC 4.1** | Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:  Chủ đầu tư: [[ChuDauTu]].  Địa chỉ: [[ChuDauTu\_dc]].  Số tài khoản: [[ChuDauTu\_tk]].  Mã số thuế: [[ChuDauTu\_MST]].  Điện thoại: [[ChuDauTu\_dt]].  Fax: [[ChuDauTu\_fax]]. |
| **ĐKC 5.2** | - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: [[BDHD\_pt]]% giá hợp đồng.  - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. |
| **ĐKC 5.4** | Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 14 ngày sau Thanh lý, nghiệm thu hợp đồng. |
| **ĐKC 6.1** | Danh sách nhà thầu phụ: *[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].* |
| **ĐKC 6.2** | Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện khôngvượt quá: \_\_\_\_ giá hợp đồng *[Hệ thống trích xuất theo Mục 27.2 E-CDNT].* |
| **ĐKC 6.4** | Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ *[ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].* |
| **ĐKC 10.1** | Loại hợp đồng: [[HopDong\_loai]]. |
| **ĐKC 10.2** | Giá hợp đồng: Cố định. |
| **ĐKC 11** | Điều chỉnh thuế: Được phép.  Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng. |
| **ĐKC 12.1** | Tạm ứng: Không áp dụng |
| **ĐKC 13.1** | Phương thức thanh toán: *Thanh toán 100% giá trị hợp đồng (trong vòng 21 ngày sau khi Nhà thầu bàn giao sản phẩm dịch vụ; nghiệm thu, thanh lý và hóa đơn tài chính theo quy định).*  Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế. |
| **ĐKC 13.2** | Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng. |
| **ĐKC 15** | 1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.  Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 5 %/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 25%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 ĐKC.  Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 50 % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.  2. Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng. |
| **ĐKC 17.1(c)** | Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Không. |
| **ĐKC 17.4** | Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 10% giá trị giảm giá hợp đồng. |
| **ĐKC 18 (e)** | Các trường hợp khác: Không. |
| **ĐKC 20.1** | Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau:  Khi nhà thầu bàn giao sản phẩm dịch vụ, Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm tra sản phẩm và tài liệu đi kèm sản phẩm; kiểm tra tính xác thực của kết quả. Trong trường hợp tính chất phức tạp, Chủ đầu tư có thể lập hội đồng đánh giá và nghiệm thu sản phẩm. Trong trường hợp kiểm tra sơ bộ phát hiện có sự sai lệch về đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.  Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 90 ngày. |
| **ĐKC 21.2** | Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 05 ngày. |
| **ĐKC 22.2** | Thời gian để tiến hành hòa giải: 14 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp.  Giải quyết tranh chấp:  + Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ và khả năng thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau chậm nhất là 05 ngày kể từ lúc phát sinh và tích cực bàn bạc giải quyết.  + Trường hợp các bên không tự giải quyết được sẽ thống nhất chuyển vụ việc tới Trọng tài kinh tế [[DiaDanh]] để giải quyết. Phán quyết của Trọng tài kinh tế là quyết định bắt buộc các bên phải thi hành, án phí do bên thua kiện trả. |

**Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

**Mẫu số 13**

**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu]* (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc:*Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số\_\_\_ ngày\_\_\_ tháng\_\_\_ năm\_\_\_ của Chủ đầu tư [[ChuDauTu]] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “[[GoiThau]]”, số E-TBMT: [[E\_TBMT]], Chủ đầu tư thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu “[[GoiThau]]”, số E-TBMT: [[E\_TBMT]], với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là [[HD\_t]] ngày.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:\_\_\_ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm\_\_\_\_ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng, trường hợp hoàn thiện hợp đồng trên Hệ thống thì nêu rõ]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng:\_\_\_ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm\_\_\_\_ *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT với số tiền\_\_\_ và thời gian hiệu lực\_\_\_ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày\_\_\_tháng\_\_\_năm\_\_\_(1) mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

**Mẫu số 14**

**HỢP ĐỒNG([[4]](#footnote-4))**

*\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_*

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_\_\_\_\_

Gói thầu: [[GoiThau]]

Thuộc dự án: [[DuAn]]

- Căn cứ(2) \_\_\_*(Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015);*

- Căn cứ(2)\_\_\_\_*(Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023);*

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “[[GoiThau]]” và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư*:*

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_*(trường hợp được ủy quyền).*

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu*:*

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);

2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

4. E-ĐKCT của hợp đồng;

5. E-ĐKC của hợp đồng;

6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);

8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại E-ĐKCT của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: *\_\_[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

2. Phương thức thanh toán: \_\_\_*[ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT].*

**Điều 6. Loại hợp đồng: \_\_\_\_** *[ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 10.1 E-ĐKCT].*

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_** *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

**Điều 8.** Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá :\_\_\_\_\_\_[*trích xuất theo Mục 27.2 E-CDNT]* giá hợp đồng.

**Điều 9. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_ *[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_ bộ, Chủ đầu tư giữ \_\_ bộ, nhà thầu giữ\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

**PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.*

**Mẫu số 15**

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: [[ChuDauTu]] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu “[[GoiThau]]” và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); (1)

Theo quy định trong E-HSMT *(hoặc hợp đồng)*, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_\_ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng*(2)*]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ *[ghi số* tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày\_\_\_ tháng\_\_ năm\_\_\_(3).

|  |
| --- |
| **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của\_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu\_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số\_\_ *[ghi số hợp đồng]* ngày\_\_ tháng\_\_\_ năm\_\_\_ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.4 E-ĐKCT.

**Mẫu số 17**

**GIẤY ỦY QUYỀN (1)**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_*[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu],* là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại \_\_\_\_*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho\_\_\_\_ *[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_*[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm\_\_\_\_*[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do \_\_\_\_*[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

*[- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn]*(2).

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_*[ghi tên nhà thầu]*. \_\_\_\_*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_(3). Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Bên mời thầu giữ\_\_\_bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Người được ủy quyền**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và*  *đóng dấu (nếu có)]* | **Người ủy quyền**  *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

1. *áp dụng đối với trường hợp gửi HSYC cho một nhà thầu* [↑](#footnote-ref-1)
2. *áp dụng đối với trường hợp gửi HSYC cho nhiều hơn một nhà thầu* [↑](#footnote-ref-2)
3. Trường hợp gói thầu không yêu cầu nhân sự chủ chốt thì bỏ Mục này [↑](#footnote-ref-3)
4. *(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.*

   *(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.* [↑](#footnote-ref-4)